



DANH SÁCH PHÒNG THI HẾT HỌC PHẦN SV ĐHCQ HỌC TỰ NGUYỄN ĐỢT 1
Học kỳ 1 năm học 2025-2026

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	01		4,5	12	Giang	
2	000002	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	01		8,0	06	Anh	HP
3	000003	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	01		10	05	Hoài	
4	000004	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	01					HP,ĐK
5	000005	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	01					HP,ĐK
6	000006	1001020233	Nguyễn Yến	Nhi	28/11/2004	KD10D	01		8,0	10	Nhi	HP
7	000007	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	01		7,0	11	Mai	
8	000008	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	01		8,0	18	Minh	
9	000009	1001020337	Nguyễn Trường	Vũ	24/05/2004	KD10H	01		10	17	Vũ	
10	000010	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01		4,0	07	Hào	HP
11	000011	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	01		3,5	08	Sỹ	HP
12	000012	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	01					HP,ĐK
13	000013	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	01		9,5	13	Tuấn	HP
14	000014	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	01		8,0	16	Tuấn	HP
15	000015	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	01		10	19	Dung	
16	000016	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	01		8,5	15	Ngọc	
17	000017	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	01		10	14	Nhi	
18	000018	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	01					HP,ĐK
19	000019	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	01		7,0	20	Việt	HP
20	000020	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	01		8,5	09	Đông	
21	000021	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	01					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....16

Tổng số tờ giấy thi:.....16

Tổng số biên bản:.....12

Ngày 13... tháng 12... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phan Thùy Nga

Vũ Thị Hòa